

VAI TRÒ CỦA CHÙA LÀNG - NỮ PHẬT TỬ KHMER ĐỐI VỚI VIỆC GIỮ GÌN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VÙNG TÂY NAM BỘ

TS. PHAN THỊ THU HẰNG

ThS. TRẦN THỊ TUYẾT

Viện Triết học Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Quá trình toàn cầu hóa đã đưa lại những thay đổi lớn lao trong mọi lĩnh vực của đời sống con người và xã hội. Không chỉ mang lại cơ hội giao lưu, trao đổi văn hóa giữa các dân tộc, hướng tới kiến lập nền văn hóa toàn cầu mà toàn cầu hóa còn đặt ra những thách thức, nguy cơ về bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh đó thì vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển của các quốc gia. Việt Nam cũng như các quốc gia khác, không thể nằm ngoài xu thế phát triển chung của lịch sử nhân loại, do đó hội nhập quốc tế là một quá trình tất yếu bao gồm cả thuận lợi lẫn thách thức. Một mặt nó đưa lại cho chúng ta nhiều cơ hội để khai thác các công nghệ kỹ thuật tiên tiến, tiếp cận nhiều thị trường, khuyến khích đầu tư, cũng như giao lưu, đối thoại về văn hóa. Nhưng mặt khác nó cũng kéo theo sự du nhập của những sản phẩm văn hóa xa lạ, thậm chí phản văn hóa có nguy cơ làm phá vỡ truyền thống, làm mất bản sắc văn hóa cùng các giá trị truyền thống lâu đời.

Đây là thách thức chung mà toàn cầu hóa đặt ra cho các quốc gia và không ít học giả đã tỏ ra quan ngại về vấn đề này: “Giới tinh hoa chính trị, trí thức hay truyền thông khẳng định rằng người ta có thể điều hòa giữa bản sắc riêng với tính hiện đại. Đây là sự lựa chọn lớn của thời đại chúng ta. Hiện đại hóa và bản sắc vốn không thể hòa hợp được với nhau. Hiện đại, cái mà người ta đang mong mỏi hiện nay, là sự mê tín đánh lộn sòng số lượng nhiều nhất với chất lượng tốt nhất. Việc thần phục kỹ thuật nhỏ bặt đi gốc rễ của lương tri và tước khỏi con người chính số phận của mình”¹.

Thực tế ở Việt Nam những năm qua cũng cho thấy tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường cũng như quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đến các di sản văn hóa truyền thống. Chẳng hạn như: sự lỏng lẻo trong mối quan hệ gia đình; thái độ tư lợi, chạy theo đồng tiền, bất chấp thủ đoạn; thói quen xử lý mâu thuẫn bằng bạo lực và lối sống trụy lạc... Có thể nói, sự biến đổi của các giá trị truyền thống dưới tác động của nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ là một thực tế khó tránh khỏi.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thể bảo tồn được các giá trị truyền thống mà vẫn đảm bảo được các mục tiêu phát triển kinh tế, gắn kết truyền thống văn hóa với sự phát triển bền vững của xã hội? Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng, tôn giáo đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, để giữ gìn các giá trị truyền thống. Nhận thức được vai trò trên đây của

¹Dẫn theo Hồ Sĩ Quý, *Về giá trị và giá trị Châu Á*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2005, trang 202

tôn giáo, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta². Đây là quan điểm mới nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam về lí luận tôn giáo. Điểm mới thứ hai của Đảng về lí luận tôn giáo là sự khẳng định: "Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới"³. Sự khẳng định này chính là cách tiếp cận tôn giáo dưới góc độ văn hoá vì theo quan điểm của Đảng, đạo đức là một thành tố của văn hoá. Trước đó trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng ta đã khẳng định cần "phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hoá, đạo đức của tôn giáo"⁴. Trong văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, phần Những nhiệm vụ cụ thể có Nhiệm vụ thứ 8 - chính sách văn hoá đối với tôn giáo, ghi rõ: "Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện... trong tôn giáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan; chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu"⁵. Có thể khẳng định rằng, với chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về vấn đề tôn giáo mà trong thời gian qua, tôn giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp tích cực đối với sự phát triển chung của đất nước.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, nhờ gắn bó, đồng hành cùng dân tộc mà các tôn giáo đã tiếp biến được nhiều giá trị văn hóa dân tộc để làm phong phú. Đồng thời, các tôn giáo cũng đóng góp nhiều giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp vào nền văn hóa dân tộc của dân tộc: "Vấn đề Tôn Giáo và văn hóa có thể ví như một cái lưới quan hệ phức tạp và rộng lớn, nó làm cho phương thức đời sống xã hội liên hệ chặt chẽ với niềm tin tinh thần và quan niệm giá trị, những niềm tin tinh thần và quan niệm giá trị này được xem là phép tắc tối cao của đời sống xã hội, và chuẩn tắc tối cao của hành vi cá nhân và xã hội"⁶.

Xét về bản chất, các tôn giáo chân chính luôn chứa đựng giá trị nhân văn, đều hướng con người đến cuộc sống an lành, tốt đẹp, thiện hảo. Mặc dù mỗi tôn giáo đều có một hệ thống thế giới quan, nhân sinh quan riêng biệt, tuy nhiên đều có một đặc điểm chung là hướng thiện, khuyên con người làm điều lành, tránh điều ác, mong muốn con người có cuộc sống hạnh phúc. Đặc trưng nổi bật của tôn giáo là sử dụng niềm tin vào Đấng tối cao, sự báo ứng, thưởng phạt để điều chỉnh hành vi đạo đức của con người. Chính vì thế, các tôn giáo khiến cho các giá trị đạo đức xã hội khoác bên ngoài vẻ "linh thiêng", do đó quy phạm đạo đức không chỉ là quan hệ giữa người và người mà ở đó còn có sự tham dự của đấng thiêng liêng. Chính vì thế mà các tôn giáo tác động mạnh mẽ đến nhận thức, hành vi của các cá nhân trong xã hội, góp phần xây dựng xã hội đạo đức tốt đẹp. Có thể thấy rõ đặc điểm này khi chúng ta đi sâu phân tích vai trò của Chùa làng - nữ Phật tử người Khmer đối với đời sống văn hóa tinh thần của cư dân Tây Nam Bộ. Có thể

²Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá IX. Nxb CTQG, Hà Nội, 2003, tr. 48.

³ Văn kiện đã dẫn, tr. 45 - 46.

⁴Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 128.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII. Nxb. CTQG, 1998, tr. 67.

⁶Christopher Dawson, *Religion and the Rise of Western Culture*, Image Books, 1958, tr.12

nói, Chùa làng đóng một vai trò quan trọng đối với đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người dân Khmer ở Tây Nam Bộ. Cùng với sự giúp đỡ tích cực của đông đảo nữ Phật tử tại các ngôi chùa Phật giáo Nam Tông mà các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn, phát huy trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế mạnh mẽ hiện nay.

1. Vai trò của Chùa làng - nữ Phật tử Khmer đối với vấn đề giáo dục đạo đức vùng Tây Nam Bộ

Đối với người dân Khmer ở Tây Nam Bộ, Phật giáo Nam Tông ngày càng thâm nhập sâu rộng vào đời sống văn hóa tinh thần: *“Người Khmer Tây Nam Bộ sống tập trung tại các tỉnh Cửu Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang và An Giang với hơn 600 ngôi chùa, chùa nào cũng chú trọng mặt kiến trúc, trang trí để Tăng về uy nghi của lòng sùng kính. Ngôi chùa là trung tâm văn hóa, nơi học hành, học chữ, học đạo lý làm người, nơi lưu giữ các pho kinh điển... cũng là nơi sinh hoạt nghệ thuật, vui chơi giải trí của nhân dân địa phương”*⁷. Ở mỗi phum sóc của người Khmer hầu như đều có các ngôi chùa Phật giáo Nam Tông. Do đó, các phum sóc của người Khmer không chỉ là nơi cư trú sinh hoạt cộng đồng mà còn là nơi cố kết về mặt tâm linh, tín ngưỡng - tôn giáo.

Các hoạt động tu tập, hành đạo, truyền đạo của các nhà sư Nam Tông đều gắn liền với những người dân Khmer ở phum sóc, ngược lại mỗi người dân ở trong phum sóc cũng tình nguyện tham gia vào công tác Phật sự tại ngôi chùa nơi họ cư trú, tích cực tham gia học đạo: *“Mỗi con người trong sóc đều là thành viên của sóc, đồng thời cũng là một Phật tử. Họ có trách nhiệm xây dựng chùa và nuôi dưỡng các sư sãi trong chùa, tiến hành các hoạt động tôn giáo và các lễ hội truyền thống trong khuôn viên nhà chùa”*⁸.

Đặc biệt, tại các ngôi chùa này, các nhà sư thường tổ chức các lớp học giảng dạy ngôn ngữ Khmer và giáo lý Phật giáo Nam Tông còn được gọi là các “Trường chùa”. Vì thế, thông qua hoạt động truyền đạo của các nhà sư tại các phum sóc, giáo lý đạo đức Phật giáo ngày càng đến với nhiều người dân Khmer ở Tây Nam Bộ. Tại các ngôi trường này, người dân Khmer được trao truyền các giá trị đạo đức tốt đẹp, lối ứng xử, lối sống theo mẫu mực của cha ông cũng như của Phật giáo: *“Phật giáo Tiểu thừa Khmer giữ vai trò rất lớn trong việc giáo dục hình thành nhân cách, đạo đức, dân trí của cộng đồng dân tộc Khmer. Thông qua triết lý mang tính nhân đạo và quan niệm nhân quả của đạo Phật đã tác động sâu sắc đến từng thành viên trong gia đình, trong cộng đồng dân tộc Khmer làm cho mọi người muốn hướng thiện, làm việc lành, tránh điều ác. Con người biết khiêm tốn, nhường nhịn, tương trợ giúp đỡ nhau, không so bì hơn thiệt”*⁹.

Hơn nữa, đối với người Khmer nói chung, nữ Phật tử Khmer nói riêng thì việc tu học không phải để trở thành Phật mà là để học hỏi về lẽ nhân sinh về cách làm người.

⁷ Trường Lưu, Văn hóa người Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Khái quát về người Khmer, tr.10.

⁸ Nguyễn Mạnh Cường, Phật giáo Khmer Nam Bộ, những vấn đề nhìn lại, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2008, tr. 36

⁹ Lê Hương, Người Việt gốc Miên, NXB Khai trí, Sài Gòn, 1969, tr.42

Mỗi người con trai Khmer ngay từ bé đã đi tu. Từ 19 tuổi trở xuống có thể đi tu bậc Sadi, từ 20 tuổi trở lên có thể tu bậc Tỳ kheo. Đáng chú ý là họ có thể đi tu bất cứ lúc nào hoặc khi tu học có thể hoàn tục bất kỳ lúc nào. Ngoài ra, một người có thể đi tu nhiều lần cũng không bị ngăn cấm. Riêng phụ nữ Khmer không thể xuất gia tu hành nhưng họ vẫn có thể tu hành bằng cách giữ giới. Những người phụ nữ có thể tiến hành tu hành tại gia, hoặc vào chùa phát nguyện tu hành tại một cốc nhỏ trong chùa, làm công quả. Những điều này cho thấy với người Khmer việc đi tu chính là phương thức căn bản để trau dồi đạo đức, rèn luyện tu dưỡng nhân cách. Có thể thấy Phật giáo Nam Tông Khmer với quy định cởi mở trong việc tu hành trên đây đã góp phần khiến cho giáo lý Phật giáo ngày càng thấm thấu vào đời sống của người dân Khmer: “Dù vô chùa tu hay ở tại nhà thì người Khmer đều là con Phật. Rõ ràng người Khmer đi tu không phải để trở thành Phật, mà tu làm người, làm người có nhân cách, có phẩm chất và đạo đức tốt theo quan niệm của họ. Có thể nói lý tưởng sống truyền thống của người Khmer là Đức Phật, cho nên trong cuộc sống thường ngày, dù cư sĩ ở chùa hay dân chúng tại thế đều phải rèn luyện theo đạo pháp: thọ giới, bố thí, niệm”¹⁰.

Tôn giáo góp phần khẳng định bản sắc của người Tây Nam Bộ, khẳng định “Cái ta” trong một thế giới ngày càng hội nhập và toàn cầu hóa, dễ bị đánh mất bản sắc. Tôn giáo giúp cho tâm thức văn hóa của người Tây Nam Bộ được nối liền từ quá khứ đến hiện tại, không bị đứt gãy, bơ vơ về cội nguồn, từ đó tạo thành một “Vốn văn hóa” giúp cộng đồng phát triển. Đối với các nữ Phật tử người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ thì tôn giáo thấm sâu vào nếp sống của họ, từ khi họ sinh ra cho đến khi chết đi, theo đó các phong tục, tập quán của cộng đồng cũng được bảo lưu thông qua các nghi thức tôn giáo.

2. Vai trò của Chùa làng - nữ Phật tử Khmer đối với phong tục tập quán vùng Tây Nam Bộ

Phật giáo Nam Tông đã dung hòa với những tín ngưỡng bản địa gắn liền với hoạt động nông nghiệp của người dân Khmer. Điều này được thể hiện thông qua các lễ hội của người Khmer trong đó nổi bật nhất là lễ năm mới Chôl chhnăm Thmây và lễ hội Ok om bok.

Lễ Chôl chhnăm Thmây là Tết của người Khmer được tổ chức vào đầu tháng Chét theo Đại lịch - Maha Sangkran của người Khmer, tức là ngày 13 hoặc 14 tháng 4 dương lịch. Mục đích của lễ hội là để mong cầu cho mùa khô qua nhanh, mùa mưa mau đến cung cấp nước để trồng trọt. Các nghi thức trong lễ hội này thể hiện sự hỗn dung giữa Phật giáo Nam Tông với tín ngưỡng bản địa đó là tục đắp núi cát, tắm tượng Phật và tắm cho sư sãi. Tục đắp núi cát biểu trưng cho núi sẽ cản mây khiến cho hơi nước được tích tụ thành mưa; còn tục tắm cho tượng Phật, sư sãi được xem là một nghi thức cầu đảo. Các nghi thức này đều được diễn ra trang trọng trong ngôi chùa Phật giáo với sự chủ trì của các vị sư sãi. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Duy, lễ hội này được tổ chức với các trình tự gắn liền với đức Phật như sau: *Ngày đầu tiên, người ta lên chùa rước lịch Sangkran (lịch do các đại đức soạn dùng cho cả năm). Ngày thứ hai dâng cơm lên sư sãi.*

¹⁰Viện văn hóa, *Người Khmer Cửu Long*, Sở văn hóa thông tin Cửu Long xuất bản, 1987, tr. 76

Ngày thứ ba, người ta lên chùa tắm Phật, tắm tượng Phật ở nhà, làm lễ cầu siêu Bangskoi cho linh hồn người quá cố”¹¹.

Lễ hội Ok om bok được tổ chức vào ngày 15 tháng 10 âm lịch với mục đích mừng mùa màng bội thu, cuộc sống no đủ. Lễ hội Ok om bok gắn liền với sự tích về Đức Phật. Câu chuyện kể rằng trong một kiếp sống, Đức Phật Thích Ca từng đầu thai làm một con thỏ. Con thỏ ấy đã nguyện hi sinh thân mình để cứu người ăn xin do thần Sekra biến thành. Thần Sekra khen ngợi hành động tốt đẹp đó của con thỏ nên đã vẽ hình con thỏ lên mặt trăng. Do đó lễ hội Ok om bok còn được gọi là Lễ Cúng Trăng với ý nghĩa tưởng nhớ đến Đức Phật. Không chỉ vậy, các nghi lễ vòng đời của người dân Khmer Tây Nam Bộ còn gắn liền với các nghi thức của Phật giáo Nam Tông với sự tham gia của các vị sư như Lễ cắt tóc trả ơn mẹ (Pithi cật sok bong bok chmop), Lễ Giáp tuổi (Pithi piđóp chnam), Đám cưới (Pithi Apea Pineah), Đám tang (Bon Sóp), Lễ Dâng phước (Bonda), Đám giỗ 100 ngày (Bon khuôp muôi roi thngay)¹². Có thể thấy các nghi lễ này chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo Nam Tông Khmer, cụ thể như sau: Lễ Giáp tuổi: khi người con trai đủ 12 tuổi tức là tròn một giáp, gia đình sẽ tổ chức lễ cúng để tạ ơn tổ tiên, thần thánh. Trong ngày lễ này, gia đình sẽ mời các vị sư đến tụng kinh, tưới nước thơm vào đĩa trẻ để đứa trẻ khỏe mạnh, nên người.

Đám cưới: Trong đám cưới của người Khmer, gia đình mời các vị sư đến tụng kinh cầu phước, chúc phúc cho đôi trai gái.

Đám ma: Các nghi thức tang lễ từ tẩm liệm người chết cho đến khi tro cốt được hỏa táng gửi vào chùa đều được các vị sư tụng niệm, cầu an, cầu siêu, cầu phước...

Tôn giáo làm phong phú thêm đời sống văn hóa của người Tây Nam Bộ, khiến cho các loại hình văn hóa thâm thấu vào trong cuộc sống, và phát huy trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày nay. Tôn giáo đã tác động, ghi dấu ấn văn hóa của mình lên các loại hình văn hóa dân tộc nói chung và nghệ thuật dân tộc nói riêng, trong các hình thức văn hóa vật thể, phi vật thể với những nghi lễ, điệu múa, nhạc lễ, kinh sách, công trình kiến trúc, điêu khắc.

3. Vai trò của Chùa làng - nữ Phật tử người Khơ me đối với văn hóa nghệ thuật Tây Nam Bộ

Ngôi chùa Phật giáo Nam Tông Khmer chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Khmer. Các ngôi chùa không chỉ là nơi sinh hoạt tâm linh tâm giáo mà còn có vai trò là trung tâm văn hóa, giáo dục, y tế tại các phum sóc của người Khmer. Vì thế, người dân nơi đây đặc biệt là các nữ Phật tử người Khmer đã đóng góp công sức, trí tuệ, tài hoa để xây dựng, tu bổ các ngôi chùa. Đồng thời, di sản văn hóa đặc sắc của người Khmer cũng được lưu giữ trong các công trình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa của ngôi chùa.

¹¹ Nguyễn Đăng Duy, *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*, NXB Hà Nội, 1997, tr. 229

¹² Xem Trang Thiệu Hùng, *Mối quan hệ giữa gia đình và phum sóc với ngôi chùa Phật giáo Nam Tông Khmer ở Trà Vinh*, Tạp chí Triết học số 4, 2013, tr. 82

Ngôi chùa của người dân Khmer là sự kết hợp tinh tế giữa văn hóa Phật giáo Nam Tông, văn hóa Bà la môn và văn hóa bản địa người Khmer. Điều này được thể hiện ở trong việc bố trí các pho tượng ở trong chùa, bên cạnh tượng Đức Phật còn có một số tượng thần Bà la môn như Brahma (Preah Prum), Indra (Preah In), Vishnu (Preah Neareay) và thần bản địa người Khmer như tượng thần rắn Naga, tượng Rồng Niết Kòrệt, tượng Reach Cha sei (đầu rồng, mình sư tử, chân trâu)¹³. Ảnh hưởng của Phật giáo Nam Tông Khmer đến nghệ thuật kiến trúc của người dân Khmer được thể hiện rõ nét trong kiến trúc của ngôi chùa: *“Cái đẹp cho sự thiêng liêng trong chánh điện ngôi chùa Khmer, là những kho tàng nghệ thuật về tượng tròn, phù điêu hội họa. Các biểu tượng rồng đắp trên bờ dãi, hoặc thành bậc lên xuống. Tượng các chim thần krut (garuda) hoặc kayno như những con sơn gắn vào đầu cột nơi hàng hiên dô ra đỡ tâu mái. Tượng realu (rồng hổ phù) đắp nổi hoặc chạm khắc trên đầu đốc trên các mảng tường. Tượng nữ thần đất Niêng liêng Pattoni, phía sau là bệ tượng Phật ngồi, hoặc trên các đá tảng chân cột hiên, hoặc phía ngoài bức tường cổng chùa...”*¹⁴.

Mặt khác, Phật giáo Nam Tông còn góp phần bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa nghệ thuật của người dân Khmer Tây Nam Bộ. Hằng năm người dân Khmer có nhiều lễ hội gắn liền với nghi lễ Phật giáo Nam Tông Khmer. Nhờ đó mà nhiều loại hình văn hóa, nghệ thuật của người Khmer như đua ghe Ngo, diễn xướng, dân ca, loại hình sân khấu Rô băm, Dù kê, điệu múa Ram Vong, Sa ra van, Lâm lêu, múa trống Xay Dăm... tiếp tục được lưu giữ từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Không chỉ thế, Phật giáo Nam Tông còn ảnh hưởng sâu rộng vào tục ngữ, ca dao, ca hát dân của người dân Khmer. Chẳng hạn như bài hát dân gian dưới đây phản ánh sự giao thoa giữa văn hóa bản địa của người Khmer và văn hóa Phật giáo Nam Tông. Phật giáo Nam Tông đã góp phần làm đa dạng văn hóa dân tộc của người dân tộc Khmer: *“Thần Borac In hãy phù hộ chúng tôi/ Thần Maha Brum hãy xuống giúp/Xin mưa đổ xuống ngập đồng/ Hà ơi! Hà ơi/ Giàu sang và sống lâu hãy đến với chúng tôi, đừng quên chúng tôi/ Phật pháp đã thấm nhuần mọi người/ Ruộng của Trời của Đất/ Công sức người/ Hà ơi! Hà ơi!/ Một trận mưa xuống: Hạnh phúc sẽ đưa chúng tôi đến Niết Bàn*¹⁵.

Có thể khẳng định rằng, đối với cộng đồng người Khmer, các vị sư không chỉ là người truyền bá giáo lý Phật pháp mà còn là những người đóng vai trò định hướng, tổ chức các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo. Do đó, họ chính là những người góp phần quan trọng vào việc gìn giữ và phát huy các loại hình văn hóa nghệ thuật của người dân Khmer Tây Nam Bộ.

4. Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của Chùa làng - nữ Phật tử Khmer đối với vấn đề phát triển bền vững văn hóa Tây Nam Bộ

¹³ Xem Trang Thiều Hùng, *Ảnh hưởng của Phật giáo Nam Tông đối với ngôn ngữ, văn học và nghệ thuật của người Khmer Nam Bộ*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam số 6, 2014, tr.100

¹⁴ Nguyễn Đăng Duy, *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*, NXB Hà Nội, 1997, tr. 335, 336

¹⁵ Viện Văn hóa, *Người Khmer ở Cửu Long*, Sở văn hóa thông tin Cửu Long xuất bản, năm 1987, tr.131

Sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong những năm gần đây đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, trong đó không thể không tính đến vai trò của tôn giáo. Song tìm kiếm một giải pháp cân bằng, hài hòa giữa việc phát triển kinh tế - xã hội với việc bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống văn hóa, tôn giáo là một bài toán không hề đơn giản, đặc biệt là dưới áp lực của quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Nếu không hoạch định được chiến lược phát triển thích hợp thì chúng ta sẽ rơi vào nguy cơ tụt hậu về kinh tế hoặc mất đi những giá trị truyền thống tốt đẹp, lâu đời, thậm chí là “đánh mất bản thân mình, trở thành cái bóng của người khác, của dân tộc khác”¹⁶. Đó là những thách thức mà chúng ta cần phải vượt qua trên con đường phát triển gắn liền với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mặt khác, việc phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo trong thời gian qua mặc dù đạt được những thành tựu quan trọng nhưng cũng nảy sinh một số vấn đề ảnh hưởng đến vai trò của tôn giáo đối với sự phát triển bền vững văn hóa:

Một là, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng tiêu cực đã nảy sinh trong các tôn giáo, hiện tượng buôn thần bán thánh có xu hướng gia tăng. Một số chức sắc, nhà tu hành tôn giáo có sự suy thoái về đạo hạnh, đạo đức, hướng vào vòng danh lợi, chạy theo lợi ích. Điều này khiến cho uy tín của các chức sắc tôn giáo trong cộng đồng xã hội bị sụt giảm, khiến cho vai trò của tôn giáo trong việc điều chỉnh quy phạm đạo đức xã hội cũng bị giảm sút.

Hai là, song song với sự phục hồi, phát triển của các lễ hội tôn giáo thì trong xã hội ngày càng nảy sinh thực trạng tổ chức các hoạt động lễ nghi rườm rà, xa hoa, lãng phí. Ở một số địa phương, việc quyên góp tiền xây dựng cơ sở thờ tự hết sức tốn kém, ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Không những thế, một số công trình kiến trúc được xây dựng theo kiểu lai căng, kệch cỡm, không phù hợp với thẩm mỹ truyền thống của dân tộc. Các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, cơ sở thờ tự cũng có xu hướng ngày càng gia tăng.

Ba là, tồn tại một vài cá nhân lợi dụng niềm tin tôn giáo để trục lợi, gây thiệt hại về tiền tài, sức khỏe và tính mạng của dân chúng. Bên cạnh đó trong một số tôn giáo có các phần tử lợi dụng niềm tin tôn giáo để gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, cấu kết với các thế lực thù địch.

Bốn là, xuất hiện hiện tượng tôn giáo mới, trong đó có giáo lý, lễ nghi phản văn hóa, ngược lại với thuần phong, mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Các hạn chế, bất cập này khiến cho vai trò của văn hóa, đạo đức tôn giáo trong đời sống xã hội ngày càng bị suy giảm.

Chính vì thế, để phát huy vai trò của tôn giáo đối với sự phát triển bền vững văn hóa Tây Nam Bộ, các cơ quan quản lý nhà nước cần thực hiện các biện pháp sau đây:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội về ý nghĩa, vai trò của các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các

¹⁶ Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 6

tôn giáo. Trong tâm của việc tuyên truyền là nhấn mạnh đến sự tương đồng giữa tôn giáo và CNXH, giữa văn hóa, đạo đức tôn giáo với văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc. Trên cơ sở đó có thể tạo nên sự đồng thuận xã hội về việc phát huy vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo, khiến cho các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo và văn hóa tôn giáo dễ dàng thâm nhập vào đời sống.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về tôn giáo và văn hóa tôn giáo. Hiện nay, văn bản pháp luật có hiệu lực cao nhất, trực tiếp điều chỉnh lĩnh vực hoạt động tôn giáo là Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ký Lệnh số 18/2004/L/CTN công bố ngày 29-6-2004. Trải qua quá trình thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, về vấn đề tôn giáo đã xuất hiện một số hiện tượng tiêu cực, bất cập cần được giải quyết, nảy sinh nhiều chuyển biến mới, phức tạp. Do đó, cần có sự đánh giá một cách tổng thể về tình hình thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, để từ đó tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo. Bên cạnh đó, để có thể phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, cần phải thực hiện việc kiểm tra, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến vấn đề tôn giáo.

Thứ ba, nâng cao quản lý nhà nước về tôn giáo và hoạt động văn hóa tôn giáo để giải quyết kịp thời, hợp lý những nhu cầu vật chất và tinh thần, nhu cầu tôn giáo chính đáng của đồng bào có đạo. Hoạt động quản lý nhà nước vận hành nhịp nhàng có thể bảo đảm các hoạt động tôn giáo diễn ra bình thường, tuân thủ pháp luật. Trên cơ sở đó, các tôn giáo ngày càng có điều kiện thuận lợi để phát huy chức năng văn hóa, góp phần tích cực vào việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mặt khác, cần khuyến khích nhân dân xã, phường, thôn ấp, cụm dân cư xây dựng nếp sống văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự vệ sinh, đồng thời bảo vệ di tích văn hóa tôn giáo.

Thứ tư, thực hiện tích cực phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa, nêu gương người tốt, việc tốt trong đồng bào tôn giáo. Việc xây dựng nên các tấm gương sáng trong cộng đồng người có đạo sẽ có sức lan tỏa nhanh chóng đến tâm tư tình cảm của đông đảo quần chúng có đạo, thúc đẩy họ học tập, noi theo. Hơn nữa, việc nêu gương người tốt, việc tốt tôn sẽ khiến cho những đồng bào có đạo thêm tự hào về những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, hướng họ theo lối sống “tốt đời, đẹp đạo”.

Thứ năm, phát huy cao độ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các hội văn học nghệ thuật trong công tác văn hóa tôn giáo. Trong đó, các hội văn học, nghệ thuật cần định hướng cho hội viên có tư tưởng đúng đắn trong việc khai thác đề tài, cảm hứng từ văn hóa nghệ thuật tôn giáo, có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị nghệ thuật có tính thẩm mỹ cao trong tôn giáo. Đồng thời, dựa theo chức năng, nhiệm vụ của từng hội, nhà nước cần có sự giúp đỡ, định hướng để nghệ thuật tôn giáo bảo tồn được vẻ đẹp truyền thống, không lai căng, kệch cỡm hay bi quan, yếm thế.

Thứ sáu, cần có biện pháp khắc phục các hiện tượng tiêu cực tồn tại trong các tôn giáo và kiên quyết đấu tranh chống chống sự lợi dụng tôn giáo vào mục đích xấu. Đáng chú ý là cần có thái độ phân biệt rõ giữa đồng bào có tín ngưỡng và những kẻ lợi dụng tôn giáo, giữa những tiêu cực nảy sinh trong sinh hoạt tôn giáo và tiêu cực do lợi dụng

tôn giáo gây nên, giữa lợi dụng tôn giáo nhằm trục lợi và lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phản động. Chỉ như thế chúng ta mới có thể thực hiện các biện pháp cụ thể phù hợp, khắc phục các tiêu cực liên quan đến tôn giáo, tạo điều kiện để tôn giáo phát huy ảnh hưởng tích cực trong đời sống tinh thần xã hội.

Thứ bảy, phát huy hơn nữa vai trò của các tổ chức tôn giáo trong giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Để các tôn giáo ngày càng ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống văn hóa, cần nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức giáo hội tôn giáo, đặc biệt là vai trò của các chức sắc, nhà tu hành trong giữ gìn, phát huy các giá trị tốt đẹp của tôn giáo. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, đòi hỏi các cơ quan chức trách cần thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc, nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng, gần gũi, thân thiện, cởi mở với chức sắc, chức việc, nhà tu hành tôn giáo. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể với các giáo hội tôn giáo trong thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, phong trào văn hóa, đảm bảo hoạt động của tổ chức tôn giáo, chức sắc, nhà tu hành tuân thủ pháp luật, đồng hành cùng với dân tộc.

Có thể nói, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến vấn đề tôn giáo, xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt Nam. Trong Cương lĩnh chính trị cũng như trong văn kiện các kỳ Đại hội gần đây của Đảng, vấn đề tôn giáo được đề cập thường xuyên, nhất quán, cũng là cơ sở lí luận để giải quyết các vấn đề tôn giáo. Văn kiện Đại hội XII khẳng định: “Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng.” Báo cáo chính trị còn làm rõ: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo*, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật.”